

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 09 - 8- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quang Tuấn; bà Quách Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/07/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N; sinh năm: 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn H (Đều có đơn và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/05/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất hòa. Chị và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Bích N1, sinh ngày 07/6/2012 và cháu Bùi Hưng T, sinh ngày: 10/11/2018. Hiện nay cả hai con đang ở với chị N. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/06/2023 anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ, chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Cách đây 03 năm anh bị tai nạn giao thông, hiện nay không đi lại được phải nằm một chỗ nên dẫn đến vợ, chồng có mâu thuẫn. Hiện nay, xét thấy tình cảm không còn nữa, chị N có làm đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Bích N1, sinh ngày 07/6/2012 và cháu Bùi Hưng T, sinh ngày: 10/11/2018. Hiện nay cả hai cháu đều ở với chị N. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý giao cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Bùi Văn H.
- Về con chung: Giao cháu cháu Bùi Thị Bích N1, sinh ngày 07/6/2012 và cháu Bùi Hưng T, sinh ngày: 10/11/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.
- Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn H. Anh H cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N và anh H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[2] Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[3] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị N và anh H đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ chị N và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Bùi Văn H.

[4] Về con chung: Chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn H có 02 con chung là cháu Bùi Thị Bích N1, sinh ngày 07/6/2012 và cháu Bùi Hưng T, sinh ngày: 10/11/2018. Chị N và anh H đều có nguyện vọng giao cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị N và anh H, sau khi ly hôn giao cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh H cũng đồng ý không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[6] Về tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Bích N1, sinh ngày 07/6/2012 và cháu Bùi Hưng T, sinh ngày: 10/11/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh Bùi Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0008068 ngày 06/06/2023. Chị N đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn H. Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải